

PHỤ LỤC – DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2018 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-NCS-HĐQT ngày /04/2018)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung mới tại mục “Kiến nghị sửa đổi” là phần *in nghiêng, bôi đậm*.

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1	Điều 1: Giải thích thuật ngữ	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "<u>Việt Nam</u>" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>b. "<u>Luật Doanh nghiệp</u>" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài</p> <p>d. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu.</p> <p>e. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Công ty" là Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;</p> <p>b. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>d. "<u>Luật chứng khoán</u>" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;</p> <p>f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán;</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 1 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>f. <u>“Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.</u></p> <p>g. <u>“Đại hội đồng cổ đông”, viết tắt là ĐHĐCĐ, có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.</u></p> <p>h. <u>“Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</u></p> <p>i. <u>“Hội đồng quản trị”, viết tắt là HĐQT, có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.</u></p> <p>j. <u>“Cán bộ quản lý của Công ty” có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</u></p> <p>k. <u>“Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 03/6/2008.</u></p> <p>l. <u>“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>m. <u>“Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.</u></p> <p>n. <u>“Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách” là thành viên Hội đồng quản trị chỉ tham gia điều hành và quản lý tại Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài</u></p>	<p>a. "Người quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty;</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; <i>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</i></p> <p>i. <i>“Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</i></p>	<p>Giữ lại khái niệm người quản lý</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</u></p> <p><u>3. Các tiêu tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</u></p>		
		<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI</p> <p>Tên tiếng Anh: NOIBAI CATERING SERVICES JOINT - STOCK COMPANY</p> <p>Tên viết tắt : NCS</p> <p>2. Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam</p> <p>Điện thoại: (84-4) 3 8840289</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI - Tên tiếng Anh: NOIBAI CATERING SERVICES JOINT - STOCK COMPANY - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI - Tên viết tắt: NCS <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam</p> <p>Điện thoại: (84-24) 3 8840289</p> <p>Fax: (84 -24) 3 8840199</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Fax: (84 - 4) 3 8840199</p> <p>Website: http://noibaicatering.com.vn</p> <p><u>4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p> <p>5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. <u>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</u></p>	<p>Website: http://noibaicatering.com.vn</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ trường hợp tổ chức lại, giải thể, phá sản theo quy định tại Điều 53, 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	Chuyển thành Điều 3 mới
2	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật	Chưa có	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>1. <i>Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p> <p>2. <i>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo Quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 3 Điều lệ mẫu kèm thông tư).
		<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <p>a) Sản xuất chế biến thực phẩm;</p> <p>b) Dịch vụ ăn uống;</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <p>h) Sản xuất chế biến thực phẩm;</p> <p>i) Dịch vụ ăn uống;</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>c) Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;</p> <p>d) Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);</p> <p>e) Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);</p> <p>f) Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác;</p> <p>g) Hoạt động dịch vụ nông nghiệp.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông, bảo toàn, phát triển vốn, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp ngân sách Nhà Nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.</p>	<p>j) Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;</p> <p>k) Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);</p> <p>l) Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);</p> <p>m) Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác;</p> <p>n) Hoạt động dịch vụ nông nghiệp.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông, bảo toàn, phát triển vốn, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp ngân sách Nhà Nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.</p>	
		<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là <u>119.803.340.000 đồng (một trăm mười chín tỷ tám trăm linh ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng)</u>. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>Mười một triệu chín trăm tám mươi ngàn ba trăm ba mươi tư (11.980.334) cổ phần</u> với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần)</p> <p>2. Công ty có thể <u>tăng vốn</u> điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tại ngày thông qua Điều lệ này tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại <u>Điều 11 và Điều 12</u> của bản Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại <u>phụ lục số 01</u> đính kèm; <u>phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.</u></p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội</p>	<p>Điều 6 . Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 179.490.980.000 đồng (bằng chữ: một trăm bảy mươi chín tỷ bốn trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 17.949.098 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại các Phụ lục đính kèm. Các Phụ lục này là một phần của Điều lệ.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
3	Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 7 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <u>hai (2) tháng</u> (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <u>hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ</u>, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p><i>phiếu phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</i> Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <i>sáu mươi (60) ngày</i> (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <i>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</i>, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	
4	Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác	Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<u>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự</u>), được phát	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật <i>và dấu</i> của Công ty.	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		hành phải có dấu và chữ ký <u>mẫu</u> của người đại diện theo pháp luật của Công ty.		95/2017/TT-BTC.
5	Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ công ty và <u>hạn chế chuyển nhượng cổ phần</u>.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các trường hợp chuyển nhượng, giao dịch khác được thực hiện theo quy định của Điều 126 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. <i>Tất cả các</i> cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ công ty và <i>pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p> <p>2. <i>Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 9 Điều lệ mẫu kèm thông tư).
6	Điều 9: Thu hồi cổ phần	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 10

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày <u>làm việc</u> kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mười hai phần trăm (12%) một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	<p>và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <i>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp</i>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mười hai phần trăm (12%) một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào</p>	<p>Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p> <p>Đã có đủ thông tin ở khoản 4, 5, 6 điều này.</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
7	Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc. 	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc. 	Điều chỉnh lại số thứ tự các điều cho phù hợp

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
8	Điều 11. Quyền của cổ đông	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. <u>Người nắm giữ cổ phần phổ thông</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành <u>của mình cho người khác trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần</u>;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục <u>trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp <i>tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i> hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục <i>các thông tin liên quan đến cổ đông</i> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p><i>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 12 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, <u>sổ</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ phần góp vốn vào Công ty</u> sau khi Công ty đã thanh toán cho <u>chủ nợ</u> và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục <u>từ</u> sáu (06) tháng <u>trở lên</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều <u>24</u> và Khoản 2 Điều <u>32</u> Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <i>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty</i> sau khi Công ty đã thanh toán <i>các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán</i> cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>j. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định <i>tại Điều 129</i> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục <i>ít nhất</i> sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, <u>số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quyết định thành lập, hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></p> <p>e. Các quyền khác và <u>được quy định tại</u> Điều lệ này.</p>	<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước <i>công dân</i>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, <i>mã số doanh nghiệp hoặc số</i> quyết định thành lập, <i>địa chỉ trụ sở chính</i> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác <i>theo quy định của pháp luật</i> và Điều lệ này.</p>	
9	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị 2. Thanh toán <u>đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u> <p><u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</u></p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế <i>nội bộ</i> của Công ty; chấp hành <i>quyết định</i> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. <i>Tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</i> <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> b. <i>Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> c. <i>Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i> 	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 13 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</u></p>	<p><i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</i></p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <i>các rủi ro tài chính đối với công ty.</i></p>	
10	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. <i>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong</i> thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 14 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <u>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên so với đầu kỳ;</u></p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định tại trong Điều lệ;</u></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều <u>11</u> Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông <u>bằng văn bản</u>. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, <u>trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông liên quan;</u></p>	<p>điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <i>Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</i></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p><i>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;</i></p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên</i> ít hơn số thành viên <i>theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên</i> quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều <i>12</i> Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải <i>được thể hiện bằng văn bản, trong đó</i> nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, <i>và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>cán bộ quản lý cấp cao</u> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều <u>13</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều <u>13</u> của <u>Điều lệ này</u>. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều <u>13</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp; <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì</u></p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 4 Điều 136 luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;</u></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày <u>làm việc</u> tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>c.Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
11	Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị <u>về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát <u>về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 15 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>d. Kế hoạch phát triển dài hạn, Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>đ. <u>Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</u></p> <p>e. <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p>g. <u>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></p> <p>2. <u>Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền lương, tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Báo cáo tiền lương, tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>1. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3. Cổ đông không được bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>1. Quyết định <i>giao dịch</i> đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản <i>của Công ty</i> được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất <i>đã được kiểm toán</i>;</p> <p>m. <i>Quyết định</i> mua lại <i>trên</i> mười phần trăm (10%) <i>tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại</i>;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, <i>giao dịch</i> với những <i>đối tượng</i> được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều <i>15 này</i> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện <i>trương ứng</i> với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông <i>hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;</i> 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
12	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo <i>quy định của</i> pháp luật có thể ủy quyền cho <i>cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.</i> Cổ đông là tổ chức sở hữu đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được ủy quyền tối đa hai (2) người đại diện; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được ủy quyền tối đa ba (3) người đại diện; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được ủy quyền tối đa bốn (4) người đại diện. <i>Trường hợp</i> có nhiều hơn một (1) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì <i>giấy ủy quyền</i> phải có chữ ký của cổ đông đó và <i>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức</i> được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì <i>giấy ủy quyền</i> phải có chữ ký của người đại diện theo</p>	<p>Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 16 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông <i>tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp</i></p> <p>c. Trong trường hợp khác, <i>thì giấy uỷ quyền</i> phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền <i>khi đăng ký dự họp</i> trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với <i>giấy</i> uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều <i>này</i>, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi <i>xảy ra</i> một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>5. Người đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm theo Điều 15, Điều 16 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	
13	Điều 16. Thay đổi các quyền	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p>	Sửa theo VNA

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>3. Trừ khi điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
14	Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện nhiệm vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Chuẩn bị, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; b. Xác định thời gian và địa điểm họp; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; đ. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; e. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; 	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện nhiệm vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; <ol style="list-style-type: none"> b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 	<p>Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 18 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p> <p>Khoản 1, Điều 137 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>f. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></p> <p>b. <u>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty.</u></p> <p>c. <u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</u> - <u>Phiếu biểu quyết;</u> - <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</u> <p>d. <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên</u></p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp 	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu..</u></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền <u>đề xuất</u> các vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và những nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những <u>đề xuất liên quan</u> đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Đề xuất</u> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <u>đề xuất</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề <u>đề xuất</u> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>theo quy định tại</i> Khoản 3 Điều <i>12</i> Điều lệ này có quyền <i>kiến nghị</i> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Kiến nghị</i> phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <i>cuộc họp</i> Đại hội đồng cổ đông. <i>Kiến nghị</i> phải bao gồm họ và tên cổ đông, <i>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</i>; số lượng và loại cổ phần <i>cổ đông</i> đó nắm giữ, và nội dung <i>kiến nghị</i> đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những <i>kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một</i> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <i>Kiến nghị</i> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <i>kiến nghị</i>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <i>nắm giữ</i> đủ <i>từ</i> mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông <i>trở lên</i> trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều <i>12</i> Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề <i>kiến nghị</i> không thuộc phạm vi thẩm quyền <i>quyết định</i> của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác <i>theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
15	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 19 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 141 Luật DN</p>
16	<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó</p> <p>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và</p>	<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 20 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ bầu ra một (1) thành viên trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p>	<p>3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ bầu ra một (1) thành viên trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 141 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p>	<p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8, Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một (1) người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Khoản 6 cũ đã nằm trong Khoản 8 Điều 142 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>9. Hội đồng Quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội hoặc tiếp tục tham dự đại hội;</p> <p>Hội đồng Quản trị có thể toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm đại hội chính");</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm đại hội chính có thể đồng thời tham dự đại hội.</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm đại hội chính.</p>	<p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh <i>hợp pháp, hợp lý khác</i>. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> sau khi xem xét <i>một cách cẩn trọng</i> có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên <i>ra khỏi</i> Đại hội.</p> <p>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng <i>những</i> hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>Chuyển thành khoản 6 mới Điều này.</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>11. Trong trường <i>hợp cuộc họp</i> Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> khi xác định địa điểm Đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến <i>cổ đông</i> bằng văn bản.</p>	
17	Điều 20. Thông qua quyết định, nghị quyết của Đại hội	<p>Điều 20. Thông qua quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu bầu</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 21

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	đồng cổ đồng	<p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> Định hướng phát triển công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; <u>Bầu, Miễn</u> nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; giải thể công ty. <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán và soát xét gần nhất của công ty; Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; giải thể công ty; <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm</p>	<p><i>của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Thông qua báo cáo tài chính năm;</i> <i>Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</i> <i>Báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</i> <p><i>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</i></p> <p><i>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p> <p>Không miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Điều 38, VNA Năm trong nghĩa vụ của HĐQT</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>(51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;</p> <p>5. <u>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</u></p> <p>6. <u>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p> <p>7. <u>Hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ:</u></p> <p>a. <u>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</u></p> <p>b. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi cổ đông sở hữu một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>c. <u>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p>	<p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p><i>Trùng khoản 1 điều này</i></p> <p><i>Nội dung này chuyển lên khoản 2 điều này</i></p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
18	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty với tất cả các nội dung ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 20 của Điều lệ này.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết <u>đến</u> tất cả các cổ đông <u>có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp 	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <i> khi </i>xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty với tất cả các nội dung ngoại trừ các nội dung quy định tại <i> khoản 2, Điều 21 của Điều lệ này.</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <i> và </i> các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <i> Hội đồng quản trị đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho </i> tất cả các cổ đông <i> trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất </i>mười (10) ngày trước <i> ngày hết hạn nhận </i> phiếu lấy ý kiến. <i> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</i></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i> số Thẻ căn cước</i>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc 	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 22 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. <u>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</u> a. <u>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải</u></p>	<p>chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p><i>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</i> <i>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</i> a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến <u>gửi về công ty</u> sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>và bị tiết lộ</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không <u>nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>quyết định</u>;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các <u>quyết định</u> đã được thông qua;</p>	<p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến <i>Công ty nhận được</i> sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <i>hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu</i> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không <i>phải là người điều hành doanh nghiệp</i>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <i>Nghị quyết</i>;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi <i>phiếu</i> biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các <i>vấn đề</i> đã được thông qua;</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, <u>toàn văn</u> Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. <u>Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>thông qua với tỷ lệ tương ứng nêu tại Điều 20, Điều lệ này và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty <i>trong vòng hai mươi tư giờ (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</i></p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. <i>Nghị quyết</i> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Điều 143, Điều 144 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
19	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nội dung biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).</u></p> <p><u>4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên</u></p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p><i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</i></p> <p><i>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</i></p> <p><i>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</i></p> <p><i>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</i></p> <p><i>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</i></p> <p><i>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p><i>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i></p> <p><i>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 23 Điều lệ mẫu kèm thông tư). Điều 146 Luật DN

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p><i>nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i></p> <p><i>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</i></p> <p><i>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</i></p> <p><i>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p><i>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i></p>	
20	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 24

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	đồng cổ đông	<p>của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 8 Điều 20 của Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng <u>60 ngày</u> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Tổng giám đốc, <i>cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</i> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>2. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <i>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</i> và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <i>khoản 4 Điều 21</i> của Điều lệ này.</p> <p>3. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại <i>cuộc họp</i> Đại hội đồng cổ đông trong <i>vòng ba mươi (30) ngày</i> làm việc theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p> <p>Điều 147 Luật DN</p>
21	Điều 25 (mới). Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Chưa có	<p><i>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung</i></p>	<p>Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 25 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i> <i>b. Trình độ học vấn;</i> <i>c. Trình độ chuyên môn;</i> <i>d. Quá trình công tác;</i> <i>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</i> <i>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</i> <i>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</i> <i>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</i> <i>i. Các thông tin khác (nếu có).</i> <p><i>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ mười phần trăm (10%) năm phần trăm (5%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) ba mươi lăm phần trăm (35%) được đề cử hai (2) ứng viên; từ</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>ba mươi phần trăm (30%) ba mươi lăm phần trăm (35%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (3) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (4) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	
22	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><u>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 26 Điều lệ mẫu kèm thông tư).-

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên chuyên trách hoặc không chuyên trách. Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u></p> <p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn sau:</u></p> <p><u>a. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết về pháp luật;</u></p> <p><u>b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;</u></p> <p><u>c. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p><u>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (2) thành viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (3) thành viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi</u></p>	<p><i>hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên chuyên trách hoặc không chuyên trách. Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</i></p>	<p>Chuyển lên khoản 3 Điều 25.</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (4) thành viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</u></p> <p><u>4.Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức để Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</u></p> <p>c. <u>Thành viên đó Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p>d. <u>Thành viên đó Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. <i>Có đơn từ chức;</i></p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng <i>trừ trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><i>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p>	<p>Bỏ theo Khoản 3, Điều 156 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>e. <u>Thành viên đó bị bãi nhiệm</u> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><u>6.Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u></p> <p>7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8.Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là <i>cổ đông của Công ty.</i></p>	<p>Bỏ tương tự như khoản 4 Điều lệ cũ</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
23	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	<p>Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động của Công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ đó;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện <i>các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <i>nghĩa vụ</i> sau:</p> <p>2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>3. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm và miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích của họ; Việc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người điều hành thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định, việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm và theo đúng các quy định của Công ty; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm ứng và tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tổ chức lại lại hoặc giải thể Công ty;</p>	<p>5. <i>Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</i></p> <p>e. <i>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</i></p> <p>f. <i>Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác;</i></p> <p>g. <i>Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</i></p> <p>h. <i>Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;</i></p> <p>i. <i>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các Công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 149 của Luật doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và điểm o khoản 2 Điều 14 Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Đối với các khoản đầu tư khẩn cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các khoản đầu tư ngoài kế hoạch đầu tư hàng năm không vượt quá một (01) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt kế hoạch đầu tư hàng năm không vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch đã được phê duyệt. Khi quyết định các trường hợp nêu trên phải đảm bảo được mục tiêu đầu tư có hiệu quả, không làm ảnh hưởng tới lợi</p>	<p><i>cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</i></p> <p><i>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; đề xuất Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</i></p> <p><i>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</i></p> <p><i>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</i></p> <p><i>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng giám đốc;</i></p> <p><i>p. Đề xuất các nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;</i></p> <p><i>q. Đề xuất những phương án hợp tác liên doanh với nước ngoài</i></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>nhuận của Công ty. Sau khi quyết định đầu tư, Hội đồng quản trị Công ty phải báo cáo cấp có thẩm quyền;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>l. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch của Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và tuân thủ khoản 2, khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám</p>	<p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Hội đồng quản trị có quyền quyết định các khoản đầu tư trong phạm vi tổng ngân sách đầu tư bằng hoặc nhỏ hơn 110% kế hoạch hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc quyết định đầu tư phải đảm bảo mục tiêu đầu tư có hiệu quả và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p><u>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p> <p><u>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</u></p> <p><u>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện các công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới</u></p>	<p>trong trường hợp vượt 10% tổng kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại <i>đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</i></p> <p>k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>dang một khoản tiền công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	
24	Điều 28 (mới)	<p>Khoản 7; 8; 9; 10 của Điều 25:</p>	<p>Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận tiền lương, thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản tiền lương, thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</i></p> <p><i>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành</i></p>	<p>Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 28 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</i></p> <p><i>3. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có). Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm không tham gia ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng thù lao, phụ cấp trách nhiệm (nếu có).</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Bổ sung tương tự VNA Điều 47</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
25	Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm giữ chức Tổng giám đốc của Công ty.</u></p> <p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>4. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong</u></p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm giữ chức Tổng giám đốc của Công ty.</p> <p>2. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</i></p> <p><i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không làm việc được thì thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một (1) người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</i></p> <p>1. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>4. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 29 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<u>số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</u>	<i>tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc.</i>	
26	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p>	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. <i>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</i></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất một (1) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 30 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm</p>	<p>a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; a. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; b. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.</p> <p>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 	<p>thông báo mời họp bằng văn bản , <i>việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</i> Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, <i>nội dung các vấn đề thảo luận</i>, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và <i>phiếu biểu quyết của thành viên.</i></p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và <i>các kiểm soát viên</i> được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị <i>có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <i>lần thứ hai</i> trong thời</p>	<p>Khoản 8, Điều 153, Luật DN</p> <p>Khoản 10 Điều 153 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định, nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một các họp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền</p>	<p>hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <i>lần thứ hai</i> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><i>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</i></p> <p><i>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</i></p> <p><i>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p><i>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách họp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</i></p> <p><i>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện</i></p>	<p>Khoản 8, Điều 153, Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một (1) hợp đồng được quy định tại khoản 4, Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p><i>từ. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</i></p> <p>11. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b, Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (1) phiếu biểu quyết;</p>	<p>Chuyển khoản 13 điều này</p> <p>Đã trong điểm b, Khoản 9 Điều này</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>10. Công khai các lợi ích liên quan: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một (1) hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một (1) thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>Đồng thời các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty thực hiện công khai lợi ích theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở</p>	<p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <i>tỷ lệ thành viên</i> tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d, Khoản <i>11</i>, Điều <i>30</i> này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết <i>của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không</i>. Phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một (1) hợp đồng được quy định tại <i>điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40</i> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p><i>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i></p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một (1) hợp đồng hoặc giao dịch</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết</p>	<p>đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>Đồng thời các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty thực hiện công khai lợi ích theo Điều 159 Luật doanh nghiệp.</p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên HĐQT.</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. - Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <p><u>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một</u></p>	<p><i>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</i></p> <p>16. Cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 154 Luật doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. - Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty 	<p>Trùng Khoản 15 Điều này</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</u></p>	<p>Trường hợp, nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo đúng quy định, trình tự, thủ tục, nhưng thành viên thiểu số từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp của họ được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	
27	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Khoản 15; 16 thuộc Điều 27 Điều lệ Công ty cũ	<p><i>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 31 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</i></p>	
28	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	Chưa có	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p><i>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm là Thư ký công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</i></p> <p><i>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</i></p> <p><i>a. Có hiểu biết về pháp luật;</i></p> <p><i>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</i></p> <p><i>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</i></p> <p><i>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 32 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</i></p> <p><i>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</i></p> <p><i>d. Tham dự các cuộc họp;</i></p> <p><i>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</i></p> <p><i>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</i></p> <p><i>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p>	
29	Điều 33. Thư ký Công ty	<p>Điều 31. Thư ký công ty</p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p>	<p>Điều 33. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u></p> <p><u>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u></p> <p><u>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</u></p> <p><u>d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</u></p> <p><u>đ. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p> <p><u>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; - Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; - Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; <p>Ngoài ra, Thư ký công ty còn có nghĩa vụ khác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người giúp việc trực tiếp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; - Soạn thảo các văn bản, tờ trình liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để báo cáo các cơ quan cấp trên; - Hỗ trợ cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Triển khai Nghị quyết của Hội đồng quản trị; 	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>- Thực hiện các công việc khác do Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phân công; Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
30	Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	<p>Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>trực thuộc</u> sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (1) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (1) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thực hiện</u> bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị <u>thông qua một cách hợp thức</u>.</p>	<p>Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <i>chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty</i>. Công ty có một (1) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (1) Kế toán trưởng và các chức danh <i>quản lý</i> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <i>thông qua</i> bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 33 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư).
31	Điều 29. Cán bộ quản lý	<p>Điều 29. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, <u>Tổng giám đốc</u> được tuyển dụng <u>cán bộ quản lý cần thiết</u> với số lượng và <u>chất lượng</u> phù hợp với cơ cấu và quy chế <u>thông lệ</u> quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị <u>đề xuất tùy từng thời điểm</u>. <u>Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt</u></p>	<p>Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, <i>Công ty</i> được tuyển dụng <i>người điều hành khác</i> với số lượng và <i>tiêu chuẩn</i> phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị <i>quy định</i>. <i>Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 34 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>đồng và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></p> <p>2. <u>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định hợp đồng với những cán bộ quản lý khác thuộc quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc và phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.</u></p>	<p><i>đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</i></p> <p>2. <i>Thù lao, tiền lương</i>, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định <i>và</i> hợp đồng với những <i>người điều hành khác</i> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc và phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.</p>	
32	Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p><u>1. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc</u></p> <p>a. <u>Có trình độ học vấn đại học hoặc trên đại học, có năng lực kinh doanh, kinh nghiệm, kiến thức tổ chức quản lý doanh nghiệp, am hiểu luật pháp và có kinh nghiệm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty.</u></p> <p>b. <u>Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>c. <u>Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp khác.</u></p> <p>d. <u>Tổng Giám đốc của Công ty không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi</u></p>	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, <i>tiền lương và</i> lợi ích khác. <i>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác</i> của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <i>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</i> và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng</p>	Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 35 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>đ. Trước ngày 01 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>	<p><i>người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</i></p> <p>f. Tham khảo <i>ý kiến của</i> Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, <i>mức lương, trợ cấp, lợi ích</i> và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Muộn nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</p> <p>5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>6. Từ nhiệm: Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị xem xét và quyết định trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn.</p> <p>7. Đương nhiên bị miễn nhiệm: Tổng Giám đốc đương nhiên bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết, mất trí, mất quyền công dân. - Tự ý bỏ nhiệm sở trên bảy (7) ngày liên tục hoặc trên ba mươi (30) ngày trong một (1) năm. - Thuộc các trường hợp qui định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp. - Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử người thay thế. Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày. <p>8. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có</p>	<p>đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p><i>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;</i></p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các <i>cấp</i> này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể <i>miễn</i> nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết <i>dự họp</i> tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>Chuyển thông tin này thành Điều số 33.</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.		
33	Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Chưa có	<p>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm phần trăm (5%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề</p>	Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 36 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<i>cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</i>	
34	Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát		<p>Điều 38. Kiểm soát viên</p> <p><i>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p> <p><i>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</i></p> <p><i>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</i></p> <p><i>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i></p> <p><i>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</i></p>	Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 37 trong Điều lệ mẫu kèm thông tư). Điều 163, 164 Luật DN

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p><i>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p><i>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</i></p> <p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p><i>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</i></p> <p><i>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p> <p>Chuyển khoản 2 , 3, Điều 37</p>	<p>Điều 169 Luật DN</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
				Các nội dung này nằm trong khoản 1; 4; 5 của Điều này.
36	Điều 33. Ban kiểm soát	<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p><u>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và đảm bảo tuân thủ Điều 163, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</u></p> <p><u>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm</u></p>	<p>Điều 39. Ban kiểm soát</p> <p><i>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</i></p> <p><i>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</i></p> <p><i>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</i></p> <p><i>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 38 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p><u>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u></p> <p><u>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</u></p> <p><u>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p><u>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></p> <p><u>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><i>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i></p> <p><i>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p><i>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p><i>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p><i>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</i></p> <p><i>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
36	Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng	<p>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực <u>vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thân trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u></p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên</i>, Tổng giám đốc và <i>người điều hành khác</i> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, <i>cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</i></p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 39 Điều lệ mẫu kèm thông tư).
38	Điều 35. Trách	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi theo hướng dẫn của

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý</u> khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý</u> khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay bảo lãnh, <u>hoặc tín dụng</u> cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>; Tổng giám đốc, <u>cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính</u>, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay</p>	Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 40 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ sau đây:</u></p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>yếu tố</u> quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của <u>cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan.</u> Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; <u>hoặc;</u></p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo</p>	<p><i>hoặc</i> bảo lãnh, cho các thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên; Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</i></p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên; Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>cáo tài chính gần nhất, những <u>yếu tố</u> quan trọng <u>về</u> hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <u>cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố</u> cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị <u>phê duyệt</u>.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, <u>cán bộ quản lý khác</u> và <u>những người có liên quan</u> tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <i>nhỏ hơn hoặc bằng</i> hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <i>nội dung</i> quan trọng <i>của</i> hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của <i>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị.</i> Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng <i>quản trị</i> không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <i>nội dung</i> quan trọng <i>của</i> hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <i>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</i></p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
39	Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý, hành động một cách trung thực</u>, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự <u>cẩn trọng</u>, mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự, mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 41 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, <u>cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, <u>Tổng giám đốc</u>, <u>cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc <u>chống lại lợi ích cao nhất</u> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, <u>Tổng giám đốc</u>, <u>cán bộ quản lý</u>, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	<p>chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên</i>, Tổng giám đốc, <i>người điều hành khác</i>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <i>người điều hành doanh nghiệp</i>, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không <i>mâu thuẫn với lợi ích</i> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên</i>, <i>người điều hành khác</i>, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
40	Điều 37. Quyền xem xét sổ sách và hồ sơ	<p>Điều 37. Quyền xem xét sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3, Điều 24 và khoản 2, Điều 32 của Điều lệ này có quyền trực tiếp <u>hoặc qua luật sư</u> hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>xem xét trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.</u> Yêu cầu xem xét <u>do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền</u></p>	<p>Điều 43. Quyền xem xét sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2, Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được <i>kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông</i> phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 42 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>khác của cổ đông</u> phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do cần xem xét và được gửi đến Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và <u>cán bộ quản lý khác</u> có quyền <u>yêu cầu bằng văn bản để</u> kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <u>biên bản họp</u> Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, , các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và <u>bất cứ giấy tờ nào khác</u> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan</p>	<p>điện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do cần xem xét và được gửi đến Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên</i>, Tổng giám đốc và <i>người điều hành khác</i> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <i>ng nghị quyết</i> Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, <i>các báo cáo của Hội đồng quản trị</i>, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và <i>các tài liệu khác</i> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các <u>giấy tờ</u> này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên <u>website</u> của Công ty.</p>	<p>kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các <i>tài liệu</i> này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên <i>trang thông tin điện tử</i> của Công ty.</p>	
41	Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn	<p>Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <u>cán bộ quản lý</u>.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 44. Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <i>người điều hành doanh nghiệp</i>.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 43 Điều lệ mẫu kèm thông tư).
42	Điều 39. Phân phối lợi nhuận	<p>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</p>	<p>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty <i>theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</i></p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ y khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi <i>quyết định</i> này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty</p>	<p>95/2017/TT-BTC (Điều 44 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p>

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
43	Điều 40. Tài khoản ngân hàng	<p>Điều 40. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài</p>	<p>Điều 46. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài</p>	Sửa số Điều theo thứ tự.

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	
44	Điều 41. Năm tài chính	Điều 41. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	Điều 47. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	Sửa số Điều theo thứ tự.
45	Điều 42. Chế độ kế toán	Điều 42. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <u>hoặc chế độ kế toán khác</u> được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. <u>Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia.</u> Những hồ sơ này phải	Điều 48. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <i>chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác</i> được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt <i>và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.</i> Những hồ sơ này phải chính	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 47 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	
46	Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	<p>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính năm cho <u>cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</u></p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này và <i>Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan hữu quan theo quy định của Pháp luật.</i></p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 48 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo quý và sáu (06) tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</u></p> <p><u>4. Công ty phải lập các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho các cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của các cơ quan hữu quan theo quy định;</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	
47	Điều 44. Báo cáo thường niên và công khai thông tin	<p>Điều 44. Báo cáo thường niên</p> <p>Công ty phải lập và gửi các báo cáo liên quan đến cơ quan, đơn vị và công bố thông tin theo Điều 170, Điều 171 luật Doanh Nghiệp, các quy định của pháp luật về</p>	<p>Điều 50. Báo cáo thường niên</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 49

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<u>kế toán</u> , đăng ký kinh doanh, húng khoán và thị trường chứng khoán.		Điều lệ mẫu kèm thông tư).
48	Điều 45. Kiểm toán	<p>Điều 45. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, và <u>báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty</u>, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được <u>gửi</u> đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 51. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán <i>báo cáo tài chính của Công ty</i> cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên <i>độc lập</i> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 50 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến.	cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	
49	Điều 46. Con dấu	<p>Điều 46. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của <i>Luật pháp</i>.</p> <p>2. <u>Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc uỷ quyền bằng văn bản.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 52. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu của Công ty được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 51 Điều lệ mẫu kèm thông tư).
			<p>Điều 53. Tổ chức lại</p> <p>Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công ty thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
50	Điều 47. Chấm dứt hoạt động	<p>Điều 47. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể <u>hoặc chấm dứt hoạt động</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</u></p> <p>b. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>c. <u>Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. <u>Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</u></p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <u>hay xin</u> <u>chấp thuận của</u> cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Điều 54. Giải thể, phá sản</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. <i>Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>d. <i>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i></p> <p>e. <i>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, <i>Hội đồng quản trị thực hiện.</i> Quyết định giải thể này phải được thông báo <i>và phải được</i> chấp thuận <i>bởi</i> cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>3. Việc phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 52 Điều lệ mẫu kèm thông tư).
51	Điều 48. Gia hạn hoạt động	<p>Điều 48. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Điều 54. Gia hạn hoạt động</p>	Bỏ điều này

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>2. <u>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>		
52	Điều 49. Thanh lý	<p>Điều 49. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có <u>một</u> quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý <u>sẽ</u> thay mặt</p>	<p>Điều 55. Thanh lý</p> <p>1. Chậm nhất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 54 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. <u>Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</u></p> <p>c. <u>Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</u></p> <p>d. <u>Các khoản vay (nếu có);</u></p> <p>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. <u>Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm (a) đến điểm (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</u></p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. <i>Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</i></p> <p>c. <i>Nợ thuế;</i></p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. <i>Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến mục (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</i></p>	
53	Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	<p>Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, <u>hay</u> khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, <u>hay</u> tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ công ty, <u>hoặc các quy định hành chính</u>, các quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p>	<p>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các <i>quy định pháp</i> luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p>	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC (Điều 55 Điều lệ mẫu kèm thông tư).

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay <u>cán bộ quản lý cao cấp</u>.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các <u>yếu tố thực tiễn</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm <u>đề hành động với tư cách là trọng tài</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không</p>	<p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không</p>	

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>được các bên chấp nhận, <u>bất cứ bên nào cũng</u> có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí <u>của mình</u> có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	<p>được các bên chấp nhận, <i>một bên</i> có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	
54	Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	<p>Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 57. Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	Sửa số Điều theo thứ tự.
55	Điều 52. Ngày hiệu lực	<p>1. <u>Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 52 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần</u></p>	Điều 58. Ngày hiệu lực	Sửa đổi theo hướng dẫn của Thông tư

Stt	Điều/ Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p><u>Suất ăn Hàng không Nội Bài nhất trí thông qua ngày 19 tháng 1 năm 2017 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này từ ngày 19 tháng 1 năm 2017, thay thế các Điều lệ của Công ty trước đây.</u></p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà Nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>95/2017/TT-BTC (Điều 57 Điều lệ mẫu kèm thông tư).</p>
56	Phụ lục		- Phụ lục Danh sách cổ đông sáng lập	

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

*(Thông tin về cổ đông sáng lập và tỉ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty)
(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài
được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2018)*

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội	10.800.607
2	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	1.800.100
3	Công ty TNHH Một thành viên Suất ăn Hàng không Việt Nam	Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	306.015

